

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC - TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ KINH DOANH



ĐỀ CƯƠNG GIẢNG DẠY HỌC PHẦN
(Dành cho bậc Đại học)

HỌC PHẦN: QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Số tín chỉ: 2

Bộ môn: Thẩm định giá

Khoa: Thẩm định giá

Hưng Yên, tháng năm 2019

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: Quy hoạch sử dụng đất
- Tên tiếng Anh: Land Use Planning
- Mã học phần: 005120
- Số tín chỉ: 2, Số tín chỉ lý thuyết: 2, Số tín chỉ thực hành: 0
- Môn học tiên quyết: Địa lý kinh tế
- Môn học song hành: Hệ thống thông tin đất

2. Đối tượng áp dụng:

- Môn học bắt buộc cho ngành: Tài chính - Ngân hàng (Chuyên ngành Thẩm định giá)
- Môn học tự chọn cho ngành: Kinh tế (Chuyên ngành: Quản lý kinh tế)
- Trình độ: Đại học.
- Hệ đào tạo: Chính quy.

3. Nội dung tóm tắt của học phần:

Quy hoạch sử dụng đất là một hệ thống các biện pháp kinh tế, kỹ thuật và pháp chế của Nhà nước về tổ chức sử dụng đất đầy đủ, hợp lý, có hiệu quả cao thông qua việc phân phối và tái phân phối quỹ đất cả nước, tổ chức sử dụng lao động và các tư liệu sản xuất khác có liên quan đến đất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất xã hội, tạo điều kiện bảo vệ đất và bảo vệ môi trường.

Trên cơ sở đó, môn học sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Vai trò của đất đai đối với sự phát triển kinh tế - xã hội;
- Chế độ quản lý nhà nước về đất đai ở Việt Nam;
- Nội dung quản lý Nhà nước một số loại đất;
- Cơ sở lý luận chung về quy hoạch đất đai;
- Nội dung của quy hoạch sử dụng đất.

4. Mục tiêu của học phần:

4.1. Kiến thức:

Sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả luôn là mối quan tâm hàng đầu của mỗi quốc gia bởi vì đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là cơ sở không gian của mọi quá trình sản xuất, là tư liệu sản xuất đặc biệt trong nông nghiệp, là thành phần quan trọng nhất của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các công trình kinh tế, văn

hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Đất đai có những tính chất đặc trưng khiến nó không giống bất kỳ một tư liệu sản xuất nào. Đất đai là nguồn tài nguyên có giới hạn về số lượng. Đất đai có vị trí cố định trong không gian, không thể di chuyển được theo ý muốn chủ quan của con người. Chính đặc điểm này là nguyên nhân chủ yếu tạo ra sự khác biệt về giá trị giữa các mảnh đất nằm ở vị trí khác nhau. Đất đai là tư liệu sản xuất không gì thay thế được, đặc biệt là đối với nông nghiệp.

Với ý nghĩa như trên, mục tiêu chính của môn học Quy hoạch sử dụng đất là trang bị cho sinh viên một cách hệ thống, khoa học những kiến thức, phương pháp cần thiết để có thể tiến hành các hoạt động cụ thể khi thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Giúp sinh viên hình thành năng lực tiếp cận, nghiên cứu thực tế và vận dụng tổng hợp các kiến thức đã được trang bị nhằm triển khai và thực hiện tốt toàn bộ quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4.2. Kỹ năng:

Quy hoạch sử dụng đất là môn học mang tính chuyên môn nghiệp vụ, để sinh viên có thể tự giải quyết các tình huống trong thực tế yêu cầu sinh viên phải nắm vững những vấn đề lý luận cơ bản của môn học một cách tích cực, chủ động. Đồng thời, phải biết gắn lý luận với thực tiễn, vận dụng lý luận để phân tích, đánh giá và xử lý các tình huống thực tế đặt ra trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4.3. Thái độ:

Quy hoạch sử dụng đất với tính chất là môn học bổ trợ đối với sinh viên chuyên ngành thẩm định giá, yêu cầu đối với sinh viên là phải có thái độ học tập nghiêm túc, hoàn thành tốt các nhiệm vụ giảng viên giao, chủ động trao đổi với giảng viên để tháo gỡ những vướng mắc trong từng bài học, từ đó thêm yêu thích ngành nghề mình đã chọn và đồng thời tự tin bước vào cuộc sống.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

| STT | Mã CDR | Nội dung chuẩn đầu ra | CDR của CTĐT |
|---------------------|--------|--|------------------------------|
| <i>Về kiến thức</i> | | | |
| 1 | CDR1 | - Hiểu được khái niệm về đất đai, đặc điểm và vai trò của đất đai đối với sự phát triển kinh tế xã hội. Những nhân tố ảnh hưởng đến việc quy hoạch sử dụng đất | TC-NH:(4); KT:(4) |
| 2 | CDR2 | - Nắm được các nguyên tắc quản lý Nhà Nước về đất đai. Nội dung quản lý Nhà nước về đất đai và Bộ máy quản lý Nhà nước về đất đai qua các thời kỳ lịch sử | TC-NH:(4); KT:(4) |
| 3 | | -Phân loại được 3 nhóm đất ở Việt Nam hiện nay. | TC-NH:(4) |

| | | | |
|---|------|--|-----------------------------------|
| | CĐR3 | Hiểu được thế nào là đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất đô thị. Nắm được nội dung quản lý Nhà nước về các loại đất trên | KT: (4,8) |
| 4 | CĐR4 | -Hiểu được khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa, nhiệm vụ và sự cần thiết của quy hoạch sử dụng đất -Các loại hình quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Quan hệ giữ quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch khác. | TC-NH:(4); KT:(4,6,8) |
| 5 | CĐR5 | -Nội dung và các phương pháp cụ thể của lập quy hoạch sử dụng đất. Các vấn đề quản lý nhà nước liên quan đến quy hoạch sử dụng đất | TC-NH:(4); KT:(6,8) |
| Về kỹ năng | | | |
| 6 | CĐR6 | Phân tích, tổng hợp các vấn đề về quy hoạch sử dụng đất | TC-NH:(10); KT:(9,12) |
| 7 | CĐR7 | Tìm hiểu, phân tích và giải thích các vấn đề thực tiễn liên quan đến quy hoạch sử dụng đất, liên quan đến chuyên ngành. | TC-NH:(11); KT:(11,13) |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm (thái độ) | | | |
| 8 | CĐR8 | - Tham gia các buổi học đầy đủ - Chủ động nghiên cứu tài liệu, cập nhật kiến thức | TC-NH:(22); KT:(19) |
| 9 | CĐR9 | -Tích cực trong các nội dung thảo luận thực tiễn | TC-NH:(23); KT:(20) |

6. Phương pháp và phương tiện giảng dạy:

6.1. Phương pháp giảng dạy:

Thuyết trình, phát vấn, đối thoại, thảo luận nhóm.

6.2. Phương tiện giảng dạy:

Máy chiếu, máy tính, phấn, bảng, internet. . .

7. Thang điểm đánh giá:

Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10, Phòng Quản lý đào tạo sẽ quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 để phục vụ cho việc xếp loại trung bình học kỳ, trung bình tích lũy và xét học vụ.

8. Phương pháp và nội dung đánh giá

| Loại hình | Nội dung đánh giá | Mô tả cách thực hiện | CĐR | Trọng số |
|------------------------|-------------------------------------|--|------------------|----------|
| Điểm chuyên cần | Nhận thức, thái độ tham gia lớp học | - Sinh viên đi học đầy đủ: Từ 9 đến 10 điểm - Sinh viên vắng từ 20% trở xuống: Từ 5 đến 8 điểm - Sinh viên vắng trên 20%: không được thi, không chấm điểm Giảng viên kết hợp với thái độ học tập của sinh viên để cho theo khung ở trên | CĐR 8, CĐR 9, | 10% |

| | | | | | |
|---------------------------|-----|---------------------------|--|-------------------|-------------|
| Đánh giá quá trình | (1) | Bài kiểm tra thường xuyên | Sinh viên thực hiện bài kiểm tra thường xuyên thời gian 50 phút vào tuần thứ 7 | 1,2,3,6. | 20% |
| | (2) | Bài kiểm tra giữa kỳ | Sinh viên thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ, thời gian 50 phút vào tuần thứ 12 | 1,2,3,4,5,6,7. | |
| Điểm thi cuối kỳ | | Thi cuối kỳ | Sinh viên thực hiện bài thi tự luận, thời gian làm bài 90 phút | 1,2,3,4,5,6,7,8,9 | 70% |
| | | | | Tổng: | 100% |

9. Tài liệu học tập và tham khảo:

9.1. Tài liệu học tập bắt buộc:

Bài giảng gốc *Quản lý và Quy hoạch đất đai*, TS. Nguyễn Đình Hợi, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội, 2006.

9.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Giáo trình *Quy hoạch và Quản lý đất đai*, TS. Đinh Văn Hải, TS. Vũ Sỹ Cường (Đồng chủ biên), Nxb Tài Chính, Hà Nội, 2014;

Ngoài các tài liệu trên, sinh viên có thể truy cập trên Internet để có thể tìm kiếm các tài liệu cần thiết theo hướng dẫn của giảng viên.

10. Thông tin giảng viên giảng dạy:

10.1. Giảng viên 1:

- Họ tên: Dương Thị Trang
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Số điện thoại: Dương Thị Trang Email: trang.duongthi.th@gmail.com

10.2. Giảng viên 2:

- Họ tên: Phạm Văn Toàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Số điện thoại: 01257386868 Email: phamchicao42@gmail.com

10.3. Giảng viên 3:

- Họ tên: Nguyễn Minh Nhật
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sỹ
- Số điện thoại: 0356747376 Email: mrnhat1991@gmail.com

11. Nội dung và phân bổ thời gian:

| | | |
|-----------------|--------------------------|-------------|
| Nội dung | Phân bổ thời gian | Tổng |
|-----------------|--------------------------|-------------|

| | Lý thuyết | Kiểm tra | Bài tập, thảo luận | Tự học, tự nghiên cứu | cộng |
|--|-----------|----------|--------------------|-----------------------|-----------|
| Chương 1: Vai trò của đất đai đối với sự phát triển kinh tế - xã hội | 3 | | 1 | 8 | 12 |
| Chương 2: Chế độ quản lý Nhà nước về đất đai ở Việt Nam | 5 | | 1 | 12 | 18 |
| Chương 3: Nội dung quản lý Nhà nước một số loại đất | 2 | 1 | 1 | 8 | 12 |
| Chương 4: Cơ sở lý luận chung về quy hoạch đất đai | 7 | | 1 | 16 | 24 |
| Chương 5: Nội dung quy hoạch sử dụng đất | 6 | 1 | 1 | 16 | 24 |
| Tổng cộng | 23 | 2 | 5 | 60 | 90 |

12. Lịch trình tổ chức dạy học cụ thể:

Chương 1: Vai trò của đất đai đối với sự phát triển kinh tế xã hội

| Hình thức tổ chức dạy học | Số tiết | Nội dung chính | Tài liệu học tập, tham khảo | Chuẩn đầu ra (HP) |
|---------------------------|---------|---|--|-------------------|
| Lý thuyết | 4 | <p>1.1. Đặc điểm của đất đai</p> <p>1.1.1. Đất đai là tài nguyên thiên nhiên (đặc điểm tạo thành)</p> <p>1.1.2. Đất đai có giới hạn về diện tích (tính hạn chế về số lượng)</p> <p>1.1.3. Đất đai có vị trí cố định và không đồng nhất về chất lượng (tính cố định vị trí và tính không đồng nhất)</p> <p>1.1.4. Đất đai là tư liệu sản xuất vĩnh cửu (tính vĩnh cửu) không bị hao mòn</p> <p>1.2. Vai trò của đất đai đối với sự phát triển kinh tế xã hội</p> <p>1.3. Những nhân tố ảnh hưởng tới việc sử dụng đất</p> | <p>Bài giảng gốc <i>Quản lý và Quy hoạch đất đai</i>, TS. Nguyễn Đình Hợi, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội, 2006</p> <p>[2]. Giáo trình <i>Quy hoạch và Quản lý đất đai</i>, TS. Đinh Văn Hải, TS. Vũ Sỹ Cường (Đồng chủ biên), Nxb Tài Chính, Hà Nội, 2014</p> | CDR1 |

| | | | | |
|-----------------------|---|---|--|------------|
| | | <p>1.3.1. Nhân tố điều kiện tự nhiên</p> <p>1.3.2. Nhân tố về sự phát triển của khoa học và công nghệ</p> <p>1.3.3. Nhân tố về kinh tế - xã hội</p> <p>1.3.4. Nhân tố về sự quản lý của nhà nước về đất đai</p> | | |
| Tự học, tự nghiên cứu | 8 | <p>1. Khái niệm và những chức năng cơ bản của đất</p> <p>3. Những tính chất của đất cần được nghiên cứu trong quy hoạch sử dụng đất Điều 3 Luật Đất đai 2013</p> | [1]. Luật Đất đai 2013, Nxb Hồng Đức, 2014 | CĐR1, CĐR8 |

Chương 2: Chế độ quản lý nhà nước về đất đai ở Việt Nam

| Hình thức tổ chức dạy học | Số tiết | Nội dung chính | Tài liệu học tập, tham khảo | Chuẩn đầu ra (HP) |
|---------------------------|---------|--|--|-------------------|
| Lý thuyết | 6 | <p>2.1. Các nguyên tắc quản lý Nhà Nước về đất đai</p> <p>2.1.1. Đảm bảo sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước</p> <p>2.1.2. Đảm bảo sự kết hợp quyền sở hữu và sử dụng đất đai</p> <p>2.1.3. Đảm bảo sự kết hợp hài hòa các lợi ích</p> <p>2.1.4. Tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>2.2. Nội dung quản lý Nhà nước về đất đai</p> <p>2.2.1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện các văn bản đó</p> <p>2.2.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính</p> <p>2.2.3. Khảo sát, đo đạc, đánh giá, phân hạng</p> | <p>Bài giảng gốc <i>Quản lý và Quy hoạch đất đai</i>, TS. Nguyễn Đình Hợi, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội, 2006</p> <p>[2]. Giáo trình <i>Quy hoạch và Quản lý đất đai</i>, TS. Đinh Văn Hải, TS. Vũ Sỹ Cường (Đồng chủ biên), Nxb Tài Chính, Hà Nội, 2014</p> <p>[1]. Luật Đất đai 2013, Nxb Hồng</p> | CĐR2, CĐR6 |

| | | | | |
|-----------------------|----|---|--|------------------|
| | | <p>đất, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất</p> <p>2.2.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</p> <p>2.2.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất</p> <p>2.2.6. Đăng ký quyền sử dụng đất, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <p>2.2.7. Thống kê, kiểm kê đất</p> <p>2.2.8. Quản lý tài chính về đất đai và giá đất</p> <p>2.2.9. Quản lý và phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản</p> <p>2.2.10. Thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm luật đất đai</p> <p>2.3. Bộ máy quản lý Nhà nước về đất đai</p> <p>2.3.1. Quản lý Nhà nước về đất đai qua các thời kỳ</p> <p>2.3.2. Bộ máy quản lý Nhà nước về đất đai</p> | Đức, 2014 | |
| Tự học, tự nghiên cứu | 12 | <p>Chương III. Địa giới hành chính và điều tra cơ bản về đất đai.</p> <p>Chương II. Quyền và trách nhiệm của Nhà nước đối với đất đai.</p> | [1]. Luật Đất đai 2013, Nxb Hồng Đức, 2014 | CĐR2, CĐR6, CĐR8 |

Chương 3: Nội dung quản lý nhà nước về một số loại đất

| Hình thức tổ chức dạy học | Số tiết | Nội dung chính | Tài liệu học tập, tham khảo | Chuẩn đầu ra (HP) |
|---------------------------|---------|--|---|-------------------|
| Lý thuyết | 4 | <p>3.1. Phân loại đất ở Việt Nam</p> <p>3.3.1. Nhóm đất nông nghiệp</p> | Bài giảng gốc <i>Quản lý và Quy hoạch đất</i> | CĐR3, CĐR6, CĐR9 |

| | | | | |
|-----------------------|---|--|---|-------------------------------|
| | | <p>3.3.2. Nhóm đất phi nông nghiệp</p> <p>3.3.3. Nhóm đất chưa sử dụng (bao gồm các loại đất chưa xác định mục đích sử dụng)</p> <p>3.2. Quản lý Nhà nước về đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp</p> <p>3.2.1. Thế nào là đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp</p> <p>3.2.2. Quản lý nhà nước về đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp</p> <p>3.3. Quản lý Nhà nước về đất đô thị</p> <p>3.3.1. Thế nào là đất đô thị</p> <p>3.3.2. Nội dung quản lý Nhà nước về đất đô thị</p> | <p>đai, TS. Nguyễn Đình Hợi, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội, 2006</p> <p>[2]. Giáo trình <i>Quy hoạch và Quản lý đất đai</i>, TS.Đình Văn Hải, TS. Vũ Sỹ Cường(Đồng chủ biên), Nxb Tài Chính, Hà Nội, 2014</p> <p>[1]. Luật Đất đai 2013, Nxb Hồng Đức, 2014</p> | |
| Tự học, tự nghiên cứu | 8 | <p>Chương VI. Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp.</p> <p>Chương V. Quy hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp.</p> <p>Chương X. Chế độ sử dụng các loại đất.</p> <p>Mục 2. Đất nông nghiệp.</p> <p>Mục 3. Đất phi nông nghiệp.</p> | <p>[1]. Luật Đất đai 2013, Nxb Hồng Đức, 2014</p> | <p>CDR3, CDR6, CDR8, CDR9</p> |

Chương 4: Cơ sở lý luận chung về quy hoạch sử dụng đất

| Hình thức tổ chức dạy học | Số tiết | Nội dung chính | Tài liệu học tập, tham khảo | Chuẩn đầu ra (HP) |
|---------------------------|---------|---|---|------------------------------|
| Lý thuyết | 8 | <p>4.1. Khái niệm, ý nghĩa và đặc điểm của quy hoạch sử dụng đất đai</p> <p>4.1.1. Khái niệm – ý nghĩa của quy hoạch sử dụng đất đai</p> <p>4.1.2. Đặc điểm của quy hoạch sử dụng đất đai</p> <p>4.2. Các loại hình quy hoạch, kế</p> | <p>Bài giảng gốc <i>Quản lý và Quy hoạch đất đai</i>, TS. Nguyễn Đình Hợi, Nhà xuất bản Tài chính, Hà</p> | <p>CDR4, CDR6, CDR7 CDR9</p> |

| | | | | |
|-----------------------|----|--|---|--|
| | | <p>hoạch sử dụng đất đai</p> <p>4.3. Sự cần thiết và những căn cứ cho lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai ở nước ta</p> <p>4.3.1. Sự cần thiết về mặt pháp lý phải lập quy hoạch sử dụng đất đai</p> <p>4.3.2. Căn cứ cho lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai</p> <p>4.4. Quy hoạch sử dụng đất đai và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn</p> <p>4.5. Nhiệm vụ của quy hoạch sử dụng đất đai</p> <p>4.6. Quan hệ giữa quy hoạch sử dụng đất đai với quy hoạch khác</p> <p>4.6.1. Quan hệ giữa quy hoạch sử dụng đất đai với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội</p> <p>4.6.2. Quan hệ giữa quy hoạch sử dụng đất đai với dự báo và chiến lược dài hạn sử dụng đất đai</p> <p>4.6.3. Quan hệ giữa quy hoạch sử dụng đất đai với quy hoạch phát triển nông nghiệp</p> <p>4.6.4. Quan hệ giữa quy hoạch sử dụng đất đai với quy hoạch đô thị</p> <p>4.6.5. Quan hệ giữa quy hoạch sử dụng đất đai với quy hoạch các ngành (sử dụng đất chuyên dùng)</p> <p>4.6.6. Quan hệ giữa quy hoạch sử dụng đất đai cả nước với quy hoạch sử dụng đất đai của địa phương</p> | <p>Nội, 2006</p> <p>[2]. Giáo trình <i>Quy hoạch và Quản lý đất đai</i>, TS.Đình Văn Hải, TS. Vũ Sỹ Cường(Đồng chủ biên), Nxb Tài Chính, Hà Nội, 2014;</p> <p>[1]. Luật Đất đai 2013, Nxb Hồng Đức, 2014</p> | |
| Tự học, tự nghiên cứu | 16 | <p>Chương 6: Lý luận chung về quy hoạch đất đai</p> <p>6.3. Phân loại quy hoạch sử dụng đất</p> <p>6.4 Quy hoạch sử dụng đất đai và thị trường bất động sản</p> | <p>[2]. Giáo trình <i>Quy hoạch và Quản lý đất đai</i>, TS.Đình Văn Hải, TS. Vũ Sỹ Cường(Đồng chủ biên), Nxb Tài Chính, Hà Nội, 2014</p> | <p>CĐR4, CĐR6, CĐR7 CĐR8</p> |

Chương 5: Nội dung của quy hoạch sử dụng đất

| Hình thức tổ chức dạy học | Số tiết | Nội dung chính | Tài liệu học tập, tham khảo | Chuẩn đầu ra (HP) |
|---------------------------|---------|--|--|-------------------|
| Lý thuyết | 8 | <p>5.1. Nội dung và phương pháp cụ thể của lập quy hoạch sử dụng đất</p> <p>5.1.1. Công tác chuẩn bị và điều tra cơ bản</p> <p>5.1.2. Phân tích điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội</p> <p>5.1.3. Phân tích hiện trạng và biến động đất</p> <p>5.1.4. Đánh giá tính thích nghi của đất đai</p> <p>5.1.5. Dự báo dân số</p> <p>5.1.6. Dự báo nhu cầu đất đai</p> <p>5.1.7. Xây dựng luận chứng phương án quy hoạch sử dụng đất đai</p> <p>5.2. Các vấn đề quản lý nhà nước liên quan đến quy hoạch sử dụng đất</p> <p>5.2.1. Thẩm quyền lập và điều chỉnh quy hoạch và sử dụng đất đai</p> <p>5.2.2. Xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</p> <p>5.2.3. Công bố quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</p> <p>5.2.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất</p> | <p>Bài giảng gốc <i>Quản lý và Quy hoạch đất đai</i>, TS. Nguyễn Đình Hợi, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội, 2006</p> <p>[2]. Giáo trình <i>Quy hoạch và Quản lý đất đai</i>, TS. Đinh Văn Hải, TS. Vũ Sỹ Cường(Đồng chủ biên), Nxb Tài Chính, Hà Nội, 2014</p> | CĐR5, CĐR7, CĐR8 |

| | | | | |
|--------------------------------|----|--|--|--------------------------------|
| Tự học, tự nghiên cứu | 16 | Chương 6: Lý luận chung về quy hoạch đất đai 6.5.Thực tiễn về quy hoạch đất đai trên thế giới và Việt Nam | <i>Tài liệu tham khảo:</i> [2]. Giáo trình <i>Quy hoạch và Quản lý đất đai</i> , TS.Đình Văn Hải, TS. Vũ Sỹ Cường(Đồng chủ biên), Nxb Tài Chính, Hà Nội, 2014 | CDR5, CDR7, CDR8 CDR9 |
|--------------------------------|----|--|--|--------------------------------|

P.TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

Trần Đình Thắng

Trần Đình Thắng

Dương Thị Trang